

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ LIÊN BANG NGA VỀ TỘI RỬA TIỀN - GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

HOÀNG VĂN LUÂN*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số, tội phạm rửa tiền đang trở thành một trong những thách thức nghiêm trọng đối với an ninh tài chính, trật tự xã hội và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Bài viết phân tích quy định pháp luật hình sự Liên bang Nga về tội rửa tiền, từ đó có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm rửa tiền.

Từ khóa: Tội phạm; rửa tiền; nền kinh tế số; an ninh tài chính; pháp luật hình sự; Liên bang Nga; Việt Nam.

In the context of globalization and the rapid development of the digital economy, money laundering has become one of the most serious challenges to financial security, social order, and the sustainable development of nations. This article analyzes the criminal law provisions of the Russian Federation regarding money laundering. It draws lessons and reference values for Vietnam in the process of improving its legal framework for preventing and combating money laundering crimes.

Keywords: Crimes, money laundering; digital economy; financial security; Russian Federation; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 16/6/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 23/10/2025

NGÀY DUYỆT: 14/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.358.2025.1358>

1. Đặt vấn đề

Tội rửa tiền là loại tội phạm phi truyền thống nghiêm trọng, gắn với nhiều hành vi phạm tội khác và gây ảnh hưởng đến an ninh tài chính, trật tự xã hội. Rửa tiền không chỉ là hành vi che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản mà còn là khâu trung gian để hợp pháp hóa lợi ích thu được từ các loại tội phạm nguy hiểm khác, như: tham nhũng, buôn bán ma túy, tài trợ khủng bố, buôn người hay gian lận tài chính. Với tính chất phức tạp, tinh vi và xu hướng quốc tế hóa, xử lý tội phạm rửa tiền đòi hỏi phải có sự điều

chỉnh bằng một hệ thống pháp luật chặt chẽ, toàn diện và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Liên bang Nga là quốc gia có truyền thống pháp lý lâu đời, là thành viên tích cực trong các cơ chế quốc tế về chống rửa tiền, như: FATF và Nhóm Á - Âu về phòng, chống rửa tiền (EAG). Pháp luật hình sự Nga đã có nhiều bước phát triển đáng chú ý trong việc hình sự hóa hành vi rửa tiền với những quy định cụ thể, chặt chẽ và cập nhật kịp thời các chuẩn mực quốc tế. Đặc biệt, kinh nghiệm

*TS, Học viện Cảnh sát nhân dân

lập pháp hình sự của Liên bang Nga trong việc mở rộng chủ thể chịu trách nhiệm hình sự, đa dạng hóa hành vi khách quan của tội rửa tiền cũng như các quy định về miễn trừ trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp đặc biệt, có thể là cơ sở tham khảo cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật về tội rửa tiền.

2. Tội rửa tiền theo pháp luật hình sự Liên bang Nga

Khái niệm “hợp pháp hóa (rửa tiền) tài sản do phạm tội mà có” được sử dụng trong các công trình nghiên cứu pháp lý từ những năm 20 của thế kỷ XX. Về mặt lịch sử, khái niệm này gắn liền với hoạt động của các trùm tội phạm có tổ chức tại Hoa Kỳ, như: Al Capone hay Meyer Lansky - những người đã dùng các doanh nghiệp “hợp pháp” như tiệm giặt là để đưa tiền có được từ tội phạm vào hệ thống tài chính hợp pháp. Hành vi này tạo ra sự pha trộn giữa tiền bất hợp pháp và nguồn thu chính đáng, làm cho tài sản trở nên “sạch” về mặt hình thức pháp lý¹.

Sau khi Nhóm đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) được thành lập vào năm 1989, khái niệm này đã trở thành thuật ngữ pháp lý chính thức trong luật pháp công quốc tế. Theo thời gian, thuật ngữ “rửa tiền” không chỉ được sử dụng trong khoa học pháp lý Liên bang Nga mà còn được nhà lập pháp Liên bang Nga sử dụng với ý nghĩa: việc làm cho các khoản tiền có được từ hành vi phạm tội mang hình thức của tài sản hợp pháp, thông qua việc đưa các khoản tiền đó vào lưu thông dân sự hợp pháp².

Ngay trong các văn bản pháp lý cổ của Liên bang Nga, như: *Hiến chương tư pháp Pskov* năm 1467, *Bộ luật Vương quốc Nga* năm 1649 cho thấy, những biểu hiện sơ khai của hiện tượng “hợp pháp hóa tài sản phạm pháp”. Mặc dù chưa được định danh là “rửa tiền”, nhưng các quy định này đã đề cập đến việc xác minh nguồn gốc hợp pháp của tài

sản, quy định trách nhiệm về mua bán tài sản không rõ nguồn gốc cũng như thiết lập các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu chính đáng.

Bước ngoặt lớn trong nhận thức và pháp điển hóa hành vi rửa tiền tại Liên bang Nga diễn ra từ những năm 90 thế kỷ XX, khi quốc gia này hội nhập sâu rộng vào các cam kết quốc tế chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. *Luật Hình sự Liên bang Nga* chính thức ghi nhận tội rửa tiền như một tội phạm độc lập, phân biệt với các hành vi che giấu hoặc tẩu tán tài sản do phạm tội mà có. Quy định này phù hợp với xu hướng lập pháp quốc tế và góp phần xây dựng một khuôn khổ pháp lý đầy đủ để đấu tranh chống lại tội phạm tài chính hiện đại.

Tội rửa tiền lần đầu tiên được đưa vào *Bộ luật Hình sự Liên bang Nga*, theo đó, tại Điều 174 quy định: “Rửa tiền là việc thực hiện các giao dịch tài chính và các giao dịch khác bằng tiền hoặc tài sản do người khác phạm tội mà có, với mục đích hợp pháp hóa quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt các khoản tiền hoặc tài sản nói trên”. Điều 174.1 quy định: “Rửa tiền là việc tiến hành các giao dịch tài chính và các giao dịch khác bằng tiền hoặc tài sản do bản thân phạm tội mà có, nhằm mục đích hợp pháp hóa quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt các khoản tiền hoặc tài sản đó”.

Theo hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 32 ngày 07/7/2015 (sửa đổi, bổ sung ngày 26/02/2019) của Hội nghị toàn thể Tòa án Tối cao Liên bang Nga về thực tiễn xét xử các vụ án về hợp pháp hóa (rửa tiền) tài sản do phạm tội mà có và chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, khái niệm “giao dịch tài chính” tại Điều 174 và 174.1 *Bộ luật Hình sự Liên bang Nga* có thể được hiểu là bất kỳ giao dịch nào liên quan đến tiền tệ, bao gồm: thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, giao dịch tại quầy, chuyển tiền, đổi tiền, chuyển đổi giữa các loại tiền

tệ... Còn “các giao dịch khác bằng tiền hoặc tài sản” hiểu là các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật khác liên quan.

Theo Điều 8 Nghị quyết số 32, tội phạm quy định tại Điều 174 và 174.1 được coi là hoàn thành kể từ thời điểm người phạm tội, với mục đích như được quy định trong các điều luật trên đã trực tiếp sử dụng số tiền do phạm tội mà có để thanh toán hàng hóa, đổi tiền hoặc yêu cầu chuyển khoản tại ngân hàng...

Đối với trường hợp thực hiện “các giao dịch khác bằng tiền hoặc tài sản”, tội phạm được coi là hoàn thành kể từ thời điểm người phạm tội thực hiện một phần nghĩa vụ hoặc thực hiện ít nhất một quyền phát sinh từ giao dịch đó. Ví dụ: tội phạm được coi là hoàn thành kể từ khi người phạm tội chuyển giao tiền hoặc tài sản do phạm tội mà có cho bên còn lại theo hợp đồng, bất kể bên kia đã thực hiện nghĩa vụ hợp đồng hay chưa.

Đối với trường hợp người phạm tội thực hiện các giao dịch “ảo” để hợp thức hóa tiền hoặc tài sản do phạm tội mà có, tội phạm được coi là hoàn thành kể từ thời điểm người phạm tội đã thực hiện các giao dịch “ảo” trên. Ví dụ: A ký hợp đồng cung cấp dịch vụ sửa chữa ô tô cho B và trả cho B 500.000 rub, nhưng thực tế không có hoạt động sửa chữa nào xảy ra và cũng không thanh toán số tiền trên, trường hợp này tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm A ký hợp đồng với B.

Ngoài ra, Điều 8 Nghị quyết số 32, trường hợp các trình sát viên áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trình sát trong quá trình điều tra tội phạm rửa tiền. Ví dụ: trình sát viên thực hiện các giao dịch tài chính với người phạm tội hoặc sử dụng cộng tác viên để thực hiện các giao dịch này phải tuân thủ theo quy định của *Luật liên bang* số 144 - FZ ngày 12/8/1995 về hoạt động trình sát. Tại Điều 11 quy định, kết quả của hoạt động trình sát có thể sử dụng làm nguồn hoặc căn cứ để khởi

tố vụ án hình sự và cũng có thể sử dụng làm chứng cứ để chứng minh sự thật của vụ án nếu thỏa mãn các điều kiện của chứng cứ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Điều này đồng nghĩa với việc trình sát viên áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trình sát trong quá trình điều tra tội phạm rửa tiền không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh cũng như trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, nếu trình sát viên tuân thủ các quy định của pháp luật.

Trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều “giao dịch tài chính và các giao dịch khác bằng tiền hoặc tài sản do phạm tội mà có”, nếu chứng minh được hành vi phạm tội giống nhau trong một khoảng thời gian liên tục thì chỉ áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần, chứ không truy cứu trách nhiệm hình sự riêng biệt với các hành vi nói trên.

Trường hợp một người có ý định hợp pháp hóa (rửa tiền) tài sản do phạm tội mà có với số lượng lớn hoặc đặc biệt lớn thông qua việc thực hiện một chuỗi giao dịch tài chính, nhưng do những tình huống ngoài ý muốn, người này bị bắt giữ sau khi mới chỉ thực hiện một giao dịch, khiến giá trị tài sản được hợp pháp hóa chưa đạt đến ngưỡng “lớn” theo quy định của pháp luật thì hành vi đó vẫn được coi là hoàn thành tội hợp pháp hóa (rửa tiền) tài sản do phạm tội mà có với số lượng lớn hoặc đặc biệt lớn theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 4 Điều 174 và Điều 174.1 *Bộ luật Hình sự Liên bang Nga*.

Ngoài ra, trong mục chú ý của Điều 174 cũng nêu rõ hợp pháp hóa (rửa tiền) tài sản do phạm tội mà có với số lượng lớn là từ trên 1500.000 rub đến 6.000.000 rub, đặc biệt lớn là từ trên 6.000.000 rub.

Qua phân tích có thể thấy, pháp luật Liên bang Nga có những ưu điểm sau:

Thứ nhất, việc phân tách rõ giữa hành vi rửa tiền liên quan đến tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 174) và tài sản do

chính người phạm tội tạo ra (Điều 174.1) góp phần làm sáng tỏ nguồn gốc tài sản bất hợp pháp, từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Mặc dù mức hình phạt được quy định trong hai điều luật có thể tương đương nhưng việc định danh riêng biệt cho từng tình huống giúp cơ quan xét xử có cơ sở đánh giá khách quan và lựa chọn hình phạt phù hợp hơn với mức độ nguy hiểm và tính chất cụ thể của hành vi. Đồng thời, việc xác định chính xác nguồn gốc tài sản còn hỗ trợ hiệu quả cho các cơ quan chức năng trong việc nhận diện và triệt phá các đường dây rửa tiền tinh vi, đặc biệt trong các vụ án có sự tham gia của nhiều đối tượng và liên quan đến nhiều giao dịch phức tạp.

Thứ hai, pháp luật hình sự Liên bang Nga hệ thống hóa đầy đủ và cụ thể các dạng hành vi rửa tiền. *Luật* không chỉ đề cập “giao dịch tài chính” mà còn mở rộng đến “các giao dịch khác bằng tiền hoặc tài sản” bao quát nhiều hành vi, kể cả các hình thức tinh vi, như: giao dịch dân sự trá hình, hợp đồng giả tạo...

Thứ ba, quy định chi tiết về thời điểm hoàn thành của tội phạm rửa tiền trong từng trường hợp cụ thể, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử giải quyết các khó khăn, vướng mắc và các tranh cãi về pháp lý khi xác định tội danh, ra quyết định hình phạt.

Thứ tư, việc quy định các biện pháp nghiệp vụ trình sát phải tuân thủ *Luật Liên bang số 144-FZ* và kết quả có thể làm chứng cứ nếu đủ điều kiện, giúp cơ quan chức năng thuận lợi trong quá trình điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ; đồng thời, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh với loại tội phạm này. Bên cạnh đó quy định này góp phần bảo vệ quyền con người và tính hợp pháp của quy trình tố tụng.

Thứ năm, việc ban hành hướng dẫn thống nhất từ Tòa án Tối cao Liên bang Nga là rất cần thiết, cung cấp cơ sở pháp lý rõ ràng và thống nhất không chỉ cho cơ quan điều tra, viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xét xử của tòa án.

Tuy nhiên, quy định của pháp luật hình sự Liên bang Nga về tội rửa tiền cũng có những tồn tại, hạn chế sau:

(1) Pháp luật hình sự Liên bang Nga không có quy định về giá trị tối thiểu của tiền hoặc tài sản do phạm tội mà có đã được hợp pháp hóa. Đồng thời, chưa quy định về tội phạm nguồn đối với tội phạm rửa tiền.

(2) Các quy định hiện tại chủ yếu hướng đến giao dịch tài chính truyền thống hoặc giao dịch dân sự vật chất, chưa phản ánh đầy đủ các hình thức rửa tiền hiện đại, như: sử dụng tiền mã hóa, tài sản ảo...

(3) Cần đưa ra một số trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt đối với người thực hiện hành vi rửa tiền là người thân của người thực hiện tội phạm nguồn.

(4) Mặc dù có sự phân chia hành vi rửa tiền thành hai điều luật riêng biệt, nhưng nếu mức hình phạt được áp dụng đối với cả hai điều luật không có sự khác biệt.

3. Giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Tại Việt Nam, nhận thức về nguy cơ và tác động của tội phạm rửa tiền đã được nâng cao rõ rệt trong những năm gần đây, thể hiện qua việc ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đặc biệt là các quy định trong *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội rửa tiền vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Do vậy, pháp luật hình sự Việt Nam có thể tham khảo *Bộ luật Hình sự Liên bang Nga* về tội rửa tiền để hoàn thiện các quy định liên quan, theo hướng:

Một là, cần phân hóa rõ hành vi rửa tiền từ tài sản do chính người phạm tội tạo ra với hành vi rửa tiền từ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hiện nay, *Bộ luật Hình sự Việt Nam* mới chỉ quy định một khung hình phạt chung cho toàn bộ hành vi rửa tiền, điều này chưa thực sự bảo đảm nguyên tắc công bằng trong xử lý tội phạm. Bởi vì, hành vi rửa tiền liên quan đến tài sản do chính người phạm tội tạo ra thường có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn so với hành vi rửa tiền giúp người khác che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản. Do vậy, Việt Nam có thể tham khảo mô hình lập pháp của Liên bang Nga khi tách bạch hành vi rửa tiền thành hai điều luật riêng biệt, cụ thể là: “Điều 324a - Tội rửa tiền từ tài sản do chính mình phạm tội mà có” và “Điều 324b - Tội rửa tiền từ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Hai là, pháp luật cần quy định rõ phạm vi của tội phạm nguồn của tội rửa tiền. Chỉ nên truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi rửa tiền có nguồn gốc từ tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Cách tiếp cận này không chỉ giúp tập trung nguồn lực xử lý các hành vi rửa tiền gây nguy hiểm lớn cho xã hội mà còn tránh hình sự hóa quá mức các hành vi có mức độ nguy hiểm thấp, bảo đảm nguyên tắc phân hóa tội phạm và cá thể hóa trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự hiện đại.

Ba là, cần ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến tội rửa tiền, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng và thống nhất cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này.

Bốn là, cũng giống như quy định của pháp luật hình sự Liên bang Nga, pháp luật hình sự chưa quy định miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt trong một số trường hợp đối với tội rửa tiền. Pháp luật hình sự Việt Nam cần bổ sung quy định

người thực hiện hành vi rửa tiền do ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng phạm tội mà có trong một số trường hợp cụ thể, như: giá trị tài sản không lớn, hoặc đã có hành vi can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt□

Chú thích

1. Гаухман Л.Д., Максимов С.В. Преступления в сфере экономической деятельности. М., (1998). <https://rusneb.ru>, truy cập ngày 11/3/2025.

2. Букарев В.Б., Трунцевский Ю.В., Шулепов Н.А. Уголовная ответственность за легализацию (отмывание) доходов, приобретенных преступным путем. изд. 2-ое. М.: Юрист (2017). <https://j.twirpx.link>, truy cập ngày 11/3/2025.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2015, 2017, 2025). *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025)*.

2. Quốc hội (2022). *Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022*.

3. Bộ luật Hình sự Liên bang Nga năm 1996 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

4. *Luật Liên bang số 144 – FZ ngày 12/8/1995 về hoạt động trình sát*.

5. Tòa án Tối cao Liên bang Nga (2015, 2019). *Nghị quyết số 32 ngày 07/7/2015 (sửa đổi, bổ sung ngày 26/02/2019 của Hội nghị toàn thể Tòa án Tối cao Liên bang Nga về thực tiễn xét xử các vụ án về hợp pháp hóa (rửa tiền) tài sản do phạm tội mà có và chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*.

6. Gaukhman L.D., Maksimov S.V. (1998). *Tội phạm trong lĩnh vực hoạt động kinh tế*. NXB Moscow, tr. 378 (Гаухман Л.Д., Максимов С.В. Преступления в сфере экономической деятельности. М., 1998. 378 с.).

7. Bukarev V.B., Truntsevskiy Yu.V., Shulepov N.A (2017). *Trách nhiệm hình sự đối với hợp pháp hóa (rửa tiền) tài sản do phạm tội mà có*. NXB Moscow, tr. 458 (Букарев В.Б., Трунцевский Ю.В., Шулепов Н.А. Уголовная ответственность за легализацию (отмывание) доходов, приобретенных преступным путем. изд. 2-ое. М.: Юрист, 2017. 458 с.).